

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2024

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	19084605	11945605	5106034	3016726	26.75	25.25
I	Các khoản thu 100%	181000	181000	63274	63273	34.96	34.96
1	Phí, lệ phí	31000	31000	11450	11450	36.94	36.94
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	118000	118000	30142	30142	25.54	25.54
	Thu từ quỹ đất công ích			30142	30142		
	Thu tiền đền bù khi nhà nước thu hồi đất						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			1			
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	32000	32000	21681	21681	67.75	67.75
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	12584500	5445500	3292646	1203339	26.16	22.1
1	Các khoản thu phân chia	554500	454500	180936	148476	32.63	32.67
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	45000	45000	12538	12538	27.86	27.86
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
13	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	9500	9500	6100	6100	64.21	64.21
14	Lệ phí trước bạ nhà, đất	500000	400000	162297	129838	32.46	32.46
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	12030000	4991000	3111710	1054863	25.87	21.14
21	Thu tiền sử dụng đất	9000000	4050000	1121329	504598	12.46	12.46
22	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	1700000	510000	1315192	394558	77.36	77.36
23	Thuế tài nguyên						
24	Thuế giá trị gia tăng	330000	231000	552081	148335	167.3	64.21
25	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1000000	200000	118210	4923	11.82	2.46
26	Thuế thu nhập cá nhân						
27	Thuế tiêu thụ đặc biệt			4899	2449		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	6319105	6319105	1750114	1750114	27.7	27.7
	Bổ sung cân đối ngân sách						
1	Thu bổ sung cân đối			1330000	1330000		
	Bổ sung có mục tiêu	6319105	6319105	420114	420114	6.65	6.65
2	Thu bổ sung có mục tiêu						